

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

(Số 89 Nguyễn Huệ, phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2013

Nơi nhận báo cáo:

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		766,841,834,580	514,527,274,252
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>27,938,532,501</i>	<i>64,239,939,261</i>
1. Tiền	111	V.01	6,961,612,501	21,395,939,261
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,976,920,000	42,844,000,000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>60,000,000,000</i>	<i>60,000,000,000</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		60,000,000,000	60,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>	V.02	<i>308,800,266,282</i>	<i>189,398,494,764</i>
1. Phải thu khách hàng	131		74,012,575,184	67,299,197,138
2. Trả trước cho người bán	132		110,855,261,787	6,598,723,238
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135		131,381,900,618	122,950,045,695
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7,449,471,307)	(7,449,471,307)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	V.03	<i>349,655,216,347</i>	<i>184,424,774,820</i>
1. Hàng tồn kho	141		350,830,341,245	185,599,899,718
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,175,124,898)	(1,175,124,898)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	V.04	<i>20,447,819,450</i>	<i>16,464,065,407</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,349,618,104	449,243,884
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,224,892,305	8,765,533,259
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		2,143,453,165	2,051,065,426
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,729,855,876	5,198,222,838
B. Tài sản dài hạn	200		241,261,813,516	239,042,902,801
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>101,312,685,476</i>	<i>99,204,675,282</i>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	39,023,873,271	40,600,980,139
- Nguyên giá	222		87,628,587,360	87,535,003,905
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48,604,714,089)	(46,934,023,766)
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	8,329,691,277	8,335,853,778
- Nguyên giá	228		8,693,065,613	8,693,065,613
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(363,374,336)	(357,211,835)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	53,959,120,928	50,267,841,365
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	V.08	<i>-</i>	<i>-</i>
1. Nguyên giá	241		1,408,131,849	1,408,131,849
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1,408,131,849)	(1,408,131,849)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>139,656,156,919</i>	<i>139,576,156,919</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	132,544,361,310	132,464,361,310
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	4,000,000,000	4,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	4,304,770,000	4,304,770,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1,192,974,391)	(1,192,974,391)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>292,971,121</i>	<i>262,070,600</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	292,971,121	262,070,600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,008,103,648,096	753,570,177,053

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		855,080,681,035	586,944,111,004
I. Nợ ngắn hạn	310		763,188,773,411	499,360,609,680
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	663,478,694,995	419,703,246,225
2. Phải trả người bán	312	V.14	66,150,422,265	70,066,034,225
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	25,599,433,873	686,494,201
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	728,191,959	700,714,309
5. Phải trả người lao động	315	V.16	-	-
6. Chi phí phải trả	316		2,319,083,391	2,994,633,999
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	5,264,796,719	5,263,456,512
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(351,849,791)	(53,969,791)
II. Nợ dài hạn	330		91,891,907,624	87,583,501,324
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	32,898,604,359	32,898,604,359
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	10,394,506,928	5,792,952,727
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.21	48,598,796,337	48,891,944,238
9. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	339		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	153,022,967,061	166,626,066,049
I. Vốn chủ sở hữu	410		153,022,967,061	166,626,066,049
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132,000,000,000	132,000,000,000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		15,728,437,700	15,728,437,700
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		10,443,898,500	10,443,898,500
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(5,149,369,139)	8,453,729,849
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,008,103,648,096	753,570,177,053


CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng		
- USD	101,662.00	839,151.15
- EUR	2,054.49	2,054.32

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Ngày 18 tháng 04 năm 2013


 NGUYỄN VĂN HUỆ
 Lập biểu


 HUYỄN LONG HỒ
 Kế toán trưởng




 PHẠM VĂN DŨNG
 P. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số / minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	230,929,892,314	182,673,340,744	230,929,892,314	182,673,340,744
<i>Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu</i>		147,738,148,516	148,792,311,498	147,738,148,516	148,792,311,498
2. Các khoản giảm trừ	02	102,890,320		102,890,320	
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán		102,890,320		102,890,320	
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu,					
3. Doanh thu thuần	10 VI.23	230,827,001,994	182,673,340,744	230,827,001,994	182,673,340,744
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.24	225,574,012,534	168,095,561,355	225,574,012,534	168,095,561,355
5. Lợi nhuận gộp	20	5,252,989,460	14,577,779,389	5,252,989,460	14,577,779,389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.25	4,660,622,023	14,471,406,690	4,660,622,023	14,471,406,690
7. Chi phí tài chính	22 VI.26	9,360,943,497	11,848,497,967	9,360,943,497	11,848,497,967
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	8,880,320,690	11,168,505,055	8,880,320,690	11,168,505,055
8. Chi phí bán hàng	24 VI.27	8,163,642,927	6,739,771,194	8,163,642,927	6,739,771,194
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.28	6,048,778,091	6,188,193,306	6,048,778,091	6,188,193,306
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30	(13,659,753,032)	4,272,723,612	(13,659,753,032)	4,272,723,612
11. Thu nhập khác	31 VI.29	86,913,590	274,528,923	86,913,590	274,528,923
12. Chi phí khác	32 VI.30	30,259,547	35,305,655	30,259,547	35,305,655
13. Lợi nhuận khác	40	56,654,043	239,223,268	56,654,043	239,223,268
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(13,603,098,989)	4,511,946,880	(13,603,098,989)	4,511,946,880
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 VI.31	-	1,127,986,720	-	1,127,986,720
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(13,603,098,989)	3,383,960,160	(13,603,098,989)	3,383,960,160
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.32	(1,031)	256	(1,031)	256

Ngày 18 tháng 04 năm 2013

Nguyen Van Huu

NGUYỄN VĂN HUU
Lập biểu

Huyen Long Ho

HUYỀN LONG HỒ
Kế toán trưởng



Pham Van Dung

PHẠM VĂN DŨNG
P. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Quý 1 2013	Quý 1 2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(13,603,098,989)	4,511,946,878
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,711,391,824	1,651,949,315
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(339,024,834)	(108,286,470)
Chi phí lãi vay	06	8,880,320,690	11,335,716,182
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi :	08	(3,350,411,309)	17,391,325,905
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(122,485,151,340)	60,197,622,022
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(165,230,441,526)	(64,420,895,556)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	19,759,567,059	32,276,438,812
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(931,274,741)	(370,262,485)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8,880,320,690)	(11,335,716,182)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(12,500,000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	339,024,834	108,286,470
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(280,779,007,713)	33,834,298,986
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3,819,402,018)	(3,474,982,644)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(80,000,000)	(2,090,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3,899,402,018)	(5,564,982,644)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	629,010,590,196	488,525,020,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(380,633,587,225)	(508,841,432,700)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	(7,390,326,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	248,377,002,971	(27,706,738,700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	64,239,939,261	53,127,602,204
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	27,938,532,501	53,690,179,846

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Ngày 18 tháng 04 năm 2013

Nguyễn Văn Huệ

NGUYỄN VĂN HUỆ
Lập biểu

Hùng Long Hồ
Kế toán trưởng



HÙNG LONG HỒ
Kế toán trưởng

Phạm Văn Dũng
P. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Docimexco trước đây là Công ty Thương nghiệp Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần là ngày 06/7/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000075 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 132 tỷ đồng, được chia thành 13.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty đến ngày lập báo cáo là:

Danh sách cổ đông:	% cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần
+ Tổng Công Ty Đầu Tư & Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	20.27%	2,675,960
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	48.34%	6,381,387
+ Các cổ đông khác	31.38%	4,142,653
Cộng	100%	13,200,000

2. Ngành nghề kinh doanh

Bách hoá vải sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất đốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thủy sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (nước mặn, nước ngọt, nước lợ).

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Khai thác cát, đá, đất. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán, nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thú y thủy sản. Bán buôn, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất (trừ hoá chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic; in bao bì các loại. Tái chế phế liệu phi kim loại, mua bán, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Mua bán phôi thép, phôi sắt. Mua bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy.

3. Tên giao dịch, trụ sở, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Dong Thap Trading Corporation.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Trụ sở chính đặt tại số 89 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
 - Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh; Chi nhánh Docifish; Chi nhánh Docifood; Chi nhánh Docitrade và Chi nhánh Dociland.
- Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

4. Danh sách các công ty liên quan

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Một thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp	252 Nguyễn Huệ, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	100%	100%
Công ty TNHH MTV LT Hồng Tân	Ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, H.Tân Hồng, ĐT	Sản xuất, thương mại	100%	100%
Công ty cổ phần Tam Nông	Huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	51%	51%
Công ty cổ phần Docifish	Khu C, KCN Sa Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	99,99%	99,99%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

I. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 21/10/2009 của Bộ Tài Chính. Tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Hệ thống mạng máy tính	05 năm
Phần mềm kế toán	03 năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20 năm
Phương tiện vận chuyển	05 – 08 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 – 10 năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn;

Lợi thế thương mại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa.

9. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Góp vốn liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

12. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4.5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9.5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ. Riêng khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu khi chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần được Công ty chuyển về cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

		31/03/2013	01/01/2013
1. Tiền			
Tiền mặt	VND	3,332,896,500	1,063,567,000
Tiền mặt	USD&EUR	49,475,225	91,131,225
Tiền gửi ngân hàng	VND	1,009,923,736	2,808,622,604
Tiền gửi ngân hàng	USD&EUR	2,569,317,040	17,432,618,432
Tiền gửi có kỳ hạn	VND	20,976,920,000	42,844,000,000
Cộng		27,938,532,501	64,239,939,261
2. Các khoản phải thu ngắn hạn			
Phải thu khách hàng	(2.1)	74,012,575,184	67,299,197,138
Trả trước người bán		110,855,261,787	6,598,723,238
Phải thu khác	(2.2)	131,381,900,618	122,950,045,695
Cộng		316,249,737,589	196,847,966,071
Dự phòng phải thu khó đòi		(7,449,471,307)	(7,449,471,307)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		308,800,266,282	189,398,494,764
(2.1) Trong đó, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ là: 970.261,38 USD tương đương 19.933.823.396 đồng.			
(2.2) Bao gồm:			
		31/03/2013	01/01/2013
Công ty TNHH MTV Dasco	(*)	4,815,939,390	85,378,893
Công ty cổ phần Docitrans	(*)	1,818,825,580	1,942,509,656
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu An Giang (Nguyễn Kim)		38,741,675,255	74,482,161,991
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim			
Công ty cổ phần Docifsh	(*)	83,786,227,885	44,296,672,118
Các khoản phải thu khác		2,219,232,508	2,143,323,037
Cộng		131,381,900,618	122,950,045,695
(*) Là các khoản phải thu liên quan đến việc ứng vốn cho các Công ty con để hoạt động sản xuất kinh doanh.			
3. Hàng tồn kho			
Nguyên vật liệu		10,475,885,421	10,331,887,539
Công cụ, dụng cụ trong kho		450,906,252	470,499,917
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		169,160,751,884	139,781,712,303
Thành phẩm tồn kho		130,420,475,366	30,802,203,197
Hàng hoá		40,322,322,322	4,213,596,762
Hàng gửi bán			
Cộng		350,830,341,245	185,599,899,718
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1,175,124,898)	(1,175,124,898)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		349,655,216,347	184,424,774,820

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2013	01/01/2013
4. Tài sản ngắn hạn khác		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1,349,618,104	449,243,884
Thuế GTGT được khấu trừ	11,224,892,305	8,765,533,259
Thuế TNDN	2,143,453,165	2,051,065,426
Tài sản thiếu chờ xử lý	931,998,568	931,998,568
Tạm ứng	2,220,230,240	1,737,022,625
Ký quỹ ngắn hạn	(4.1) 2,577,627,068	2,529,201,645
Cộng	20,447,819,450	16,464,065,407

	31/03/2013	01/01/2013
(4.1) Bao gồm:		
+ Ký quỹ NH Công Thương Đồng Tháp	2,453,644,199	2,405,218,716
+ Ký quỹ NH ACB	64,535,625	64,535,625
+ Ký quỹ NH Eximbank	59,447,304	59,447,304
Cộng	2,577,627,128	2,529,201,645

	Đơn vị tính: triệu đồng						Cộng
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định		
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	44,579	32,484	7,919	2,459	94		87,535
Mua mới		110					110
Tăng XDCB hoàn thành					18		18
Tăng khác							-
Giảm khác							-
Thanh lý				34			34
Số dư cuối năm	<u>44,579</u>	<u>32,594</u>	<u>7,919</u>	<u>2,425</u>	<u>112</u>		<u>87,629</u>
Hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	24,606	16,257	4,164	1,823	84		46,934
Tăng	496	899	240	68	2		1,705
Chuyển hàng hóa BDS							-
Giảm				34			34
Số dư cuối năm	<u>25,102</u>	<u>17,156</u>	<u>4,404</u>	<u>1,857</u>	<u>86</u>		<u>48,605</u>
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	<u>19,973</u>	<u>16,227</u>	<u>3,755</u>	<u>636</u>	<u>10</u>		<u>40,601</u>
Số dư cuối năm	<u>19,477</u>	<u>15,438</u>	<u>3,515</u>	<u>568</u>	<u>26</u>		<u>39,024</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8,222,874,613	470,191,000	8,693,065,613
Tăng			
Giảm			
Số dư cuối năm	8,222,874,613	470,191,000	8,693,065,613
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	-	357,211,835	357,211,835
Tăng	-	6,162,501	6,162,501
Giảm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	363,374,336	363,374,336
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	8,222,874,613	112,979,165	8,335,853,778
Số dư cuối năm	8,222,874,613	106,816,664	8,329,691,277

Tài sản cố định khác bao gồm hệ thống mạng máy tính và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn tại chi nhánh Docifood 450.697.460 đồng; quyền sử dụng đất tại kho phân Tam Nông :162.000.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Dociland 535.040.000 đồng; và quyền sử dụng đất tại Chi nhánh TP .HCM 2.592.000.000 đồng. Quyền sử dụng đất xã Tân Công Chí - Huyện Tân Hồng: 4.483.137.153 đồng

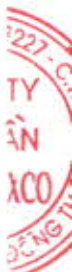
7. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:

		31/03/2013	01/01/2013
- Công trình KCN Sông Hậu - Ngân sách cấp	(7.1)	29,802,570,624	29,622,134,687
- Công trình KCN Sông Hậu - khác		1,382,680,351	1,382,680,351
- Công trình kho lạnh Docifish			
- Công trình đầu tư XD nhà máy chế biến gạo	(7.2)	1,655,476,234	1,655,476,234
- Công trình đầu tư XD nhà máy chế biến gạo Giồng Găng		13,385,942,811	9,875,099,185
- Các công trình khác		7,732,450,908	7,732,450,908
Cộng		53,959,120,928	50,267,841,365

(7.1) Đây là khoản chi liên quan đến việc đầu tư vào công trình khu công nghiệp Sông Hậu do Công ty làm chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu, tỉnh Đồng Tháp, hạng mục công trình đền bù và đường giao thông, thoát nước. Tổng mức vốn đầu tư là 83,3 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã chuyển đến Công ty đến ngày 31/03/2013 là 86.060.412.000 đồng. Công ty đã quyết toán với Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Tháp liên quan đến chi phí đền bù là 49.571.201.000 đồng. Hoàn trả ngân sách chi phí đền bù: 3.590.606.641 đồng. Thời gian kinh doanh là 50 năm kể từ ngày có quyết định đầu tư. Công ty đã khai thác kinh doanh cho thuê lại một phần khu công nghiệp

(7.2) Công trình đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gạo và kho phân bón vật tư nông nghiệp tại Khu kinh tế Dinh Bà, tổng mức đầu tư là 10,9 tỷ đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục thuê thêm diện tích đất và chưa tiến hành khởi công xây dựng nhà máy.



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Bất động sản đầu tư

	Chi phí đào ao	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1,408,131,849	1,408,131,849
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	(*) 1,408,131,849	1,408,131,849
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm	1,408,131,849	1,408,131,849
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	1,408,131,849	1,408,131,849
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

(*) Chi phí đào ao tại cồn Đông Quới, cồn Đông Giang - xã Tân Khánh Đông - thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp.

9. Đầu tư vào công ty con

	31/03/2013	01/01/2013
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (9.1)	8,975,807,654	8,975,807,654
Công ty TNHH Một Thành viên Docifarm	-	-
Công Ty cổ phần Tam Nông (9.2)	12,121,396,000	12,041,396,000
Công ty cổ phần Docifish (9.3)	109,447,157,656	109,447,157,656
Công ty TNHH MTV LT Hồng Tân	2,000,000,000	2,000,000,000
Cộng	132,544,361,310	132,464,361,310

(9.1) Theo hợp đồng mua bán Công ty Nhà nước giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 31/12/2007, Công ty mua lại 100% Công ty Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty Nhà nước") với giá là 1 tỷ đồng và đầu tư thêm là 7.975.807.654 đồng. Vào ngày 08/01/2008, Công ty Nhà nước đã chính thức chuyển tên thành Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 510400035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp (vốn điều lệ: 10.080.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(9.2) Đây là khoản vốn góp thành lập Công ty CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP TAM NÔNG theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401188495 ngày 25/02/2010 và thay đổi lần thứ 2 ngày 28/12/2010. Ngành nghề: trồng lúa; xay xát, đánh bóng gạo. Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch. Mua bán thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; gạo, nông lâm sản khác; phân bón... Vốn điều lệ 50 tỉ đồng, Cty cổ phần DOCIMEXCO chiếm tỉ lệ 51% trong cơ cấu vốn. Tính đến thời điểm 31/12/2012 Công ty đã tham gia góp vốn: 12.041.396.000 đồng.

(9.3) Là khoản đầu tư ban đầu với số tiền 35 tỉ đồng để thành lập công ty con là Cty TNHH 2 thành viên trở lên Docifish. Sau đó sáp nhập các công ty con là Cty TNHH một thành viên Docifarm và Công ty TNHH Domyfeed thành lập nên Công ty cổ phần Docifish. Tổng vốn điều lệ: 99.228.900.000 đồng. Trong đó: Cty cổ phần Docimexco: 99.227.560.000 đồng, chiếm tỉ lệ: 99,99%.

11 Đầu tư dài hạn khác		31/03/2013	01/01/2013
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp	(11.1)	1,729,410,000	1,729,410,000
Mua cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam	(11.2)	2,575,360,000	2,575,360,000
Cộng		4,304,770,000	4,304,770,000

(11.1) Đầu tư dài hạn mua 100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp với giá mua là 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Trong năm 2009, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2008 là 20.000.000 đồng và 2.000 cổ phần. Trong năm 2010 thu cổ tức năm 2009 bằng tiền là: 30.600.000 đ. Cổ tức bằng cổ phiếu: 3.060 cp. Cổ phiếu thưởng: 4.080 cp. Năm 2011 góp vốn đầu tư dự án Khu du lịch Mê Kông và bổ sung vốn lưu động tương đương: 70.941 cp. Cổ tức được chia 2010: 76.398.000 đ. Cổ phiếu đang sở hữu tính đến ngày 31/12/2011 là: 180.081 cp. Chia cổ tức 2011 bằng cổ phiếu 2% tương đương: 3.602 cp; cổ phiếu thưởng 3% tương đương: 5.402 cp. Tính đến 31/03/2013 cổ phiếu sở hữu là: 189.085 cp.

(11.2) Đầu tư dài hạn mua 100.000 cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam với giá mua là 20.257 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Trong năm 2010, Công ty nhận được thông báo chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỉ lệ: 6,83% và phát hành thêm 28% cp theo mệnh giá 10.000 đ/cp. Năm 2011 mua thêm 26.966 cp mệnh giá 10.000 đ/cp. Cổ phiếu sở hữu đến ngày 31/12/2011 là: 161.796 CP. Chia cổ tức 2011 bằng cổ phiếu 20% tương đương: 32.359 cp; cổ phiếu thưởng 9,6% tương đương: 15.532 cp. Tính đến 31/03/2013 cổ phiếu sở hữu là: 209.687 cp.

12 Chi phí trả trước dài hạn		31/03/2013	01/01/2013
Lợi thế thương mại			
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ khác		292,971,121	262,070,600
Cộng		292,971,121	262,070,600

13 Vay và nợ ngắn hạn		31/03/2013	01/01/2013
Vay ngắn hạn ngân hàng	(*)	663,478,694,995	419,703,246,225
Nợ dài hạn đến hạn trả		-	-
Cộng		663,478,694,995	419,703,246,225

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
NH Công Thương - Đồng Tháp	205,530,133,525	363,178,265,995	157,159,204,525	411,549,194,995
NH Ngoại Thương - Đồng Tháp	59,400,000,000	127,882,000,000	59,400,000,000	127,882,000,000
NH Đầu tư PT - Đồng Tháp				-
NH TNHH MTV ANZ				-
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu Khí Việt Nam - CN Cần Thơ				-
NH Sài Gòn Thương Tín - CN Đồng Tháp				-
NH TMCP Liên Việt - An Giang				-
NH NATIXIS TP HCM	33,332,820,000	110,457,770,000	74,993,640,000	68,796,950,000
NH Quân đội_Chi nhánh Chợ Lớn	61,056,540,000		49,506,990,000	11,549,550,000
NH TNHH MTV HSBC_TP HCM	60,383,752,700	22,891,000,000	39,573,752,700	43,701,000,000
NH TMCP An Bình CN Cần Thơ				-
Cộng	419,703,246,225	624,409,035,995	380,633,587,225	663,478,694,995

14 Phải trả người bán và người mua trả trước

	31/03/2013	01/01/2013
Phải trả người bán	66,150,422,265	70,066,034,225
Người mua trả tiền trước	25,599,433,873	686,494,201
Cộng	91,749,856,138	70,752,528,426

15 Thuế và các khoản phải nộp

	31/03/2013	01/01/2013
Thuế GTGT	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	75,830,084	57,571,901
Thuế tài nguyên, thuế nhà đất, nhà thầu	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	626,686,549	626,686,549
Các loại thuế khác	20,048,466	10,828,999
Các khoản phí và lệ phí	5,626,860	5,626,860
Cộng	728,191,959	700,714,309

16 Phải trả người lao động

	31/03/2013	01/01/2013
Tiền lương phải trả		
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	31/03/2013	01/01/2013
17 Phải trả khác		
Tài sản thừa chờ xử lý	735,716,054	735,716,054
Kinh phí công đoàn	172,953,364	152,581,152
Bảo hiểm xã hội	2,107,400	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Phải trả khác (*)	4,354,019,901	4,375,159,306
Cộng	5,264,796,719	5,263,456,512

	31/03/2013	01/01/2013
(*) Bao gồm:		
- Phải trả TNHH MTV LT Hồng Tân	3,902,198,946	3,914,850,207
- Các khoản nhận bảo lãnh ngắn hạn		
- Bảo hành công trình		
- Cổ tức 2008+2009+2010	130,340,000	130,340,000
- Cổ tức 2011	32,000,000	34,800,000
khác	289,480,955	295,169,096
Cộng	4,354,019,901	4,375,159,303

	31/03/2013	01/01/2013
18 Phải trả dài hạn khác		
Phải trả ngân sách Nhà nước (18.1)	32,898,604,359	32,898,604,359
Các khoản nhận đặt cọc tiền cho thuê đất tại KCN Sông Hậu		
Cộng	32,898,604,359	32,898,604,359

(18.1) Phải trả dài hạn khác là nguồn vốn đầu tư vào khu Công nghiệp Sông Hậu do ngân sách Nhà nước thực hiện.

	31/03/2013	01/01/2013
19 Vay dài hạn		
Vay dài hạn	10,394,506,928	5,792,952,727
Tổng cộng	10,394,506,928	5,792,952,727

Chi tiết các khoản nợ vay dài hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Quỹ hỗ trợ PT - Đồng Tháp				-
Quỹ Đầu tư PT - Đồng Tháp				
NH Công Thương - Đồng Tháp		10,394,506,928		10,394,506,928
Cộng		10,394,506,928		10,394,506,928

20 Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số dư đầu năm	
Điều chỉnh khoản trích dự phòng chi chưa hết	
Giảm do chi trợ cấp cho nhân viên	
Số dư cuối năm	

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21 Doanh thu chưa thực hiện	31/03/2013	01/01/2013
Doanh thu nhận trước	48,598,796,337	48,891,944,238
Cộng	48,598,796,337	48,891,944,238

Doanh thu nhận trước đến ngày 31/03/2013 là 48.598.796.337 đồng là các khoản tiền cho thuê đất theo các hợp đồng cho thuê lại đất tại khu Công nghiệp Sông Hậu ký giữa Công ty và các đơn vị thuê đất trong khu Công nghiệp Sông Hậu.

22 Tình hình tăng giảm vốn

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguồn vốn kinh doanh	132,000,000,000			132,000,000,000
Cổ phiếu quỹ				-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái				-
Quỹ đầu tư phát triển	15,728,437,700			15,728,437,700
Quỹ Dự phòng tài chính	10,443,898,500			10,443,898,500
Lợi nhuận chưa phân phối	8,453,729,849		13,603,098,988	(5,149,369,139)
Cộng	166,626,066,049	-	13,603,098,988	153,022,967,061

Lợi nhuận chưa phân phối giảm: 13.603.098.988 đ là phần lợi nhuận sau thuế của năm nay

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
Tổng Cty Đầu Tư & KD Vốn NN	26,759,600,000	2,675,960	26,759,600,000	2,675,960
Ông Phạm Văn Phát	7,873,420,000	787,342		
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	7,873,420,000	787,342		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim			63,813,870,000	6,381,387
Các cổ đông khác	89,493,560,000	8,949,356	41,426,530,000	4,142,653
Cộng	132,000,000,000	13,200,000	132,000,000,000	13,200,000
Cổ phiếu quỹ				
Cộng	132,000,000,000	13,200,000	132,000,000,000	13,200,000



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 1 2013	Quý 1 2012
23 Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	230,125,753,871	182,673,340,744
- Trong đó doanh thu xuất khẩu	147,738,148,516	148,792,311,498
Doanh thu cung cấp dịch vụ	804,138,443	
Doanh thu thi công các công trình		
Doanh thu kinh doanh bất động sản		
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán	(102,890,320)	-
Hàng nhập trả lại		-
Cộng doanh thu thuần	230,827,001,994	182,673,340,744
24 Giá vốn		
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	224,700,902,874	168,095,561,355
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	175,056,729	
Phân bổ thuế đầu vào	698,052,931	
Cộng	225,574,012,534	168,095,561,355
25 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	339,024,834	108,286,470
Lãi tiền vay ứng vốn, bán hàng trả chậm...	3,696,681,229	12,657,082,396
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	312,033,487	580,050,127
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	312,872,411	1,125,987,697
Thu nhập tài chính khác	72	
Cộng	4,660,612,033	14,471,406,690
26 Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	8,880,320,690	11,168,505,055
Lỗ chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ		77,203,399
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	480,622,807	435,578,385
Chi phí lãi chậm nộp tiền bán cổ phần		
Chi phí tài chính khác		167,211,127
Cộng	9,360,943,497	11,848,497,966



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Quý 1 2013	Quý 1 2012
27 Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	2,967,098,095	3,096,900,611
Chi phí bao bì	2,139,601,863	1,863,315,907
Chi phí thuê kho	-	-
Chi phí hoa hồng	547,752,064	124,384,375
Chi phí làm hàng	-	400,399,440
Chi phí bốc xếp	1,276,872,804	580,581,608
Chi phí bảo hiểm	63,687,560	3,700,946
Chi phí kiểm dịch, khử trùng	743,807,370	388,567,748
Chi phí chuyển tiền	96,033,671	-
Chi phí uỷ thác và dịch vụ xuất, nhập khẩu	326,130,000	273,189,559
Chi phí khác bằng tiền	2,659,500	8,731,000
Cộng	8,163,642,927	6,739,771,194
28 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí tiền lương+ca trưa	2,701,539,265	2,698,972,916
Bảo hiểm xã hội+ytế+kinh phí công đoàn	291,444,913	208,057,027
Chi phí công cụ dụng cụ	216,752,545	389,780,916
Chi phí khấu hao	839,219,797	1,091,122,850
Chi phí tiếp khách, hội nghị,...	358,265,651	438,423,896
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi tiếp thị...	147,529,736	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	691,218,757	970,559,399
Chi phí chuyển tiền	69,325,414	150,078,422
Công tác phí	303,808,480	183,740,952
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí khác bằng tiền	429,673,533	57,456,928
Cộng	6,048,778,091	6,188,193,306
29 Thu nhập khác		
Thu tiền bồi thường	1,163,620	216,994,000
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	-
Thu hỗ trợ lãi suất tạm trữ gạo	-	-
Thu bán hồ sơ thầu	-	-
thu thanh lý bao phế	72,945,455	46,421,819
Thu kiểm quỹ thừa	7,187	149,155
Thu công nợ phải trả hạch toán thu nhập	-	-
Thu nhập từ tiền hỗ trợ của khách hàng	-	-
Thu nhập khác	12,797,328	10,963,949
Cộng	86,913,590	274,528,923

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Quý 1 2013	Quý 1 2012
30 Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định		
Chi phí khác	5,002	11,109
Thanh lý bao phế liệu	30,254,545	35,294,546
Chi nộp phạt thuế		
Xử lý tài sản thiếu chờ xử lý		
Công nợ phải thu hạch toán chi phí		
Cộng	30,259,547	35,305,655
	Quý 1 2013	Quý 1 2012
31 Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1,127,986,720
		Q1 Năm 2013
(*) Bao gồm:		(13,603,098,989)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		
Các khoản tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định LN chịu thuế TNDN		
- Các khoản chi phí không được trừ		
- Các khoản điều chỉnh giảm do đã ghi nhận doanh thu năm trước		
- Các khoản điều chỉnh (cổ tức nhận được)		
Tổng thu nhập tính thuế		(13,603,098,989)
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		(13,603,098,989)
- Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng, kinh doanh BĐS		
- Thuế suất thuế TNDN		25%
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động kinh doanh (a)		-
- Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng đất (b)		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ước tính (a) + (b)		-
32 Công cụ tài chính		
32.1- Các loại công cụ tài chính		Giá trị ghi sổ
Tài sản tài chính	31/03/2013	01/01/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	27,938,532,501	64,239,939,261
Phải thu khách hàng và phải thu khác	197,945,004,495	182,799,771,526
Đầu tư ngắn hạn	60,000,000,000	60,000,000,000
Đầu tư dài hạn	4,304,770,000	4,304,770,000
Tài sản tài chính khác	5,729,855,876	5,198,222,838
Cộng:	295,918,162,872	316,542,703,625
Công nợ tài chính	31/03/2013	01/01/2013
Các khoản vay	673,873,201,923	425,496,198,952
Phải trả người bán bán và phải trả khác	104,313,823,343	108,228,095,096
Chi phí phải trả	2,319,083,391	2,994,633,999
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng:	780,506,108,657	536,718,928,047

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

32.2- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động về thị giá. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro tỉ giá ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỉ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này là USD.

Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỉ giá giao ngay trong tương lai và thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỉ giá hối đoái thông qua các biện pháp dự báo tỉ giá ngoại hối trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức cần thiết trong mối quan hệ so sánh tương quan giữa lãi suất vay ngoại tệ và lãi suất vay tiền đồng Việt Nam... Với lợi thế, luôn duy trì ổn định nguồn thu ngoại tệ có được từ nguồn kinh doanh xuất khẩu Gạo và các mặt hàng khác. Đây cũng là lợi thế để khai thác được nguồn vốn vay giá rẻ trong điều kiện có rủi ro tỉ giá nhưng vẫn chấp nhận được.

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/03/2013 như sau:

	Tài sản (USD)	
	31/03/2013	01/01/2013
Tiền và các khoản tương đương tiền	101,662.00	839,151.15
Phải thu khách hàng và phải thu khác	970,261	2,007,009

	Công nợ phải trả (USD)	
	31/03/2013	01/01/2013
Phải trả người bán	-	-
Vay ngân hàng	10,334,504	7,436,670

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những yếu tố thay đổi của lãi suất thị trường

Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản tiền đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất thông qua phân tích và dự báo. Công ty đã lựa chọn thời điểm và kỳ hạn phù hợp trong năm để có lãi suất có lợi nhất năm trong quản lý rủi ro của mình.

Công ty cũng đã sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay ngắn hạn bằng ngoại tệ phục vụ sản xuất kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, với lãi suất thấp hơn nguồn vốn vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam. Góp phần giảm thiểu rủi ro lãi suất khi phải trả chi phí cho việc sử dụng vốn vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Rủi ro về giá cả:

Rủi ro giá cả là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

32.3- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh là các khoản phải thu người mua và hoạt động tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay.

Phải thu người mua

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động và khả năng thanh toán cho từng đối tượng khách hàng. Qua đó, xem xét và đánh giá Công ty có phải gánh chịu rủi ro tín dụng hay không. Và như vậy, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với các khách hàng.

Tiền gửi Ngân hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch tại các ngân hàng có uy tín, thường xuyên giao dịch và mối quan hệ hợp tác lâu dài từ trước đến nay. Đây cũng là các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm.

32.4- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa tài sản đến hạn so với công nợ đến hạn trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về nguồn tiền, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định đối với tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Công ty đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản là không có. Vì Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ hoạt động kinh doanh.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến như sau:

Khoản nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Ngày 31/03/2013				
Các khoản vay	663,478,694,995		10,394,506,928	673,873,201,923
Phải trả cho người bán	66,150,422,265			66,150,422,265
Chi phí phải trả	2,319,083,391			2,319,083,391
Các khoản phải trả khác	5,264,796,719	32,898,604,359		38,163,401,078
Cộng:	737,212,997,370	32,898,604,359	10,394,506,928	780,506,108,657

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngày 01/01/2013

Các khoản vay	419,703,246,225		5,792,952,727	425,496,198,952
Phải trả cho người bán	70,066,034,225			70,066,034,225
Chi phí phải trả	2,994,633,999			2,994,633,999
Các khoản phải trả khác	5,263,456,512	32,898,604,359		38,162,060,871
Cộng:	498,027,370,961	32,898,604,359	5,792,952,727	536,718,928,047

33 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Q1_2013	Q1_2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(13,603,098,989)	25,274,673,392
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
- Các khoản điều chỉnh tăng		-	
- Các khoản điều chỉnh giảm		-	
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(13,603,098,989)	25,274,673,392
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		13,200,000	13,200,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(1,031)	1,915

VI Các thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Tên Công ty	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty Cổ phần Docifish	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	305,228,808
		Lãi cho vay	1,968,150,566
		Bán hàng hoá, tài sản khác...	41,047,984,887
		Mua hàng hoá, tài sản khác	
Công ty TNHH Một Thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp (Dasco)	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	65,667,228
		Lãi cho vay	91,737,655
		Bán hàng hoá, tài sản khác...	
		Mua hàng hoá	
Công ty TNHH MTV LT Hồng Tân	Công ty con	Mua công ty	
		Lãi cho vay	(102,925,207)
		Bán hàng hoá, dịch vụ	
		Mua hàng hoá	

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Tên Công ty	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH MTV Hồng Tân	Công ty con	Phải thu	
		Phải thu khác	
		Phải trả	
		Phải trả khác	(3,902,198,946)
Công ty cổ phần Docifish	Công ty con	Phải thu	46,499,263,308
		Phải thu khác	83,786,227,885
		Phải trả	(2,939,455,566)
		Phải trả khác	
Công ty TNHH Một thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp	Công ty con	Phải trả khác	
		phải thu	
		Phải thu khác	4,815,939,390
		Người mua trả trước	
Công ty cổ phần TAM NÔNG	Công ty con	Phải trả khác	
		phải thu	
		Phải thu khác	
		Người mua trả trước	(35,352,600)



CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Đơn vị	Quý 1_ 2013	Quý 1_ 2012
3 Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	76.07	73,19
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	23.93	26,81
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	84.82	78,56
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	15.18	21,44
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1.18	1,27
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1.00	1,09
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.04	0,10
Tỉ suất sinh lời			
Tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế /Doanh thu thuần	%	-5.89	2,47
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	-5.89	1,85
Tỉ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỉ suất lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	-1.35	0,59
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	-1.35	0,44
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	-10.31	2,56



Ngày 18 tháng 04 năm 2013

nghe

NGUYỄN VĂN HUỆ
Lập biểu

[Handwritten signature]

HÙYNH LONG HỒ
Kế Toán Trưởng



PHẠM VĂN DŨNG
P. Tổng Giám đốc